

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2025/DS-ST

Ngày: 27-3-2025

V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quân Vương;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hữu Bình;

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thọ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Định Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 521/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-DS ngày 20/02/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S1, địa chỉ: Lầu H, 2 N, Phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trường S, sinh năm 1984, hộ khẩu thường trú: Phường H, thị xã C, tỉnh Bình Phước, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Trà Văn C, sinh năm 1988; hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/4/2024, bản tự khai ngày 18/6/2024; ngày 16/12/2024; ngày 27/3/2025 và quá trình tố tụng, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 19/04/2023 ông T với Ngân hàng TMCP S1 (gọi tắt là Ngân hàng) 01 Hợp

đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng của ông Trà Văn C1 hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Ông Trà Văn C2 hiện các giao dịch và các khoản phải thanh toán với tổng số tiền lũy kế là 38.939.889đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Trà Văn C3 toán cho Ngân hàng số tiền 6.000.000Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Trà Văn C4 có thiện chí trả nợ. Do ông Trà Văn C5 phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 10/12/2023hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Căn cứ theo mục 1.10 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S1 quy định về “Dư nợ”: là số tiền mà Chủ Thẻ đã sử dụng bao gồm giá trị các Giao Dịch, lãi và phí liên quan đến việc sử dụng Thẻ.

Tính đến ngày 27/03/2025ông Trà Văn C6 các khoản sau: Nợ gốc 22.854.110lãi quá hạn 10.085.779(Lãi suất quá hạn là 2,799%/ tháng (1,866 * 150%); lãi suất quá hạn từ ngày 10/12/2023ngày 27/03/2025là: 10.085.779Tổng cộng: 32.939.889 (Ba mươi hai triệu chín trăm ba mươi chín ngàn tám trăm tám mươi chín đồng

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông Trà Văn C7 nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông Trà Văn C8 thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nên Ngân hàng TMCP S1 khởi kiện ông Trà Văn C ra Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng để yêu cầu xem xét, giải quyết:

Buộc ông Trà Văn C9 ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 27/03/202532.939.889(Ba mươi hai triệu chín trăm ba mươi chín ngàn tám trăm tám mươi chín đồngtrong đó: Nợ gốc 22.854.110đồng; lãi quá hạn 10.085.779Ông Trà Văn CƯỜNGtrách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh sau ngày 27/03/2025đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Ngân hàng TMCP S1; quyết định của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP S1; giấy ủy quyền; Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng); bản photo CCCD và hộ khẩu; thư gửi cho ông C về việc yêu cầu thanh toán; bảng sao kê; báo phát.

*** Ý kiến của bị đơn ông C:**

Trong quá trình tố tụng để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật để báo cho

ông C biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng ông C vẫn vắng mặt không có lý do.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:**

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, bị đơn ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử cho phiên tòa được tiếp tục để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Về thủ tục tố tụng, không kiến nghị bổ sung hay đề nghị khắc phục. Về nội dung vụ án, bị đơn ông C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP S1 có đơn xin vắng mặt, bị đơn ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án. Việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là cố tình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông C có hộ khẩu thường tại ấp P, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng và quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S1 yêu cầu ông C thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày 27/03/2025 32.939.889 (Ba mươi hai triệu chín trăm ba mươi chín ngàn tám trăm tám mươi chín đồng) trong đó: Nợ gốc 22.854.110; lãi quá hạn 10.085.779. Ông Trà Văn C10 trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh sau ngày 27/03/2025 đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Xem xét chứng cứ nguyên đơn cung cấp thấy rằng:

Nguyên đơn cung cấp chứng cứ là Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S1 – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) ngày 19/4/2023 thể hiện: Ngày 19/4/2023 ông

C có ký hợp đồng cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông C đã thực hiện các giao dịch và các khoản phải thanh toán với tổng số tiền lũy kế tính đến ngày 16/12/2024 là 36.786.266 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông C đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP S1 số tiền 6.000.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông C vẫn không có thiện chí trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Quá trình thực hiện tố tụng giải quyết vụ án, bị đơn ông C được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng ông C cố tình vắng mặt không tham gia các buổi làm việc, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử để có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều này thể hiện ông C cố tình trốn tránh nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S1 được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến về phần các thủ tục tố tụng, diễn biến tại phiên tòa và nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 của Quốc Hội;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” của Ngân hàng TMCP S1 đối với ông Trà Văn C.

Buộc ông Trà Văn C có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S1 32.939.889(Ba mươi hai triệu chín trăm ba mươi chín ngàn tám trăm tám mươi chín đồng)trong đó: Nợ gốc MERGEFIELD "Nợ_gốc_6_" 22.854.110đồng; lãi quá hạn 10.085.779.

Ông Trà Văn C10 trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh sau ngày 27/03/2025đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Trà Văn C phải chịu số tiền 1.646.994 đồng (một triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn chín trăm chín mươi bốn đồng).

2.2. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S1 641.186 đồng (sau trăm bốn mươi một nghìn một trăm tám mươi sáu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000158, ngày 22/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lệ Mỹ Trương Hữu Bình

Lê Quân Vương

